



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2014

## BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CẤP QUỐC GIA

1. **Tên Đề tài:** Khảo sát đa dạng di truyền vi khuẩn ở đồng bằng sông Cửu Long và tuyển chọn vi khuẩn kết tụ sinh học, chuyển hóa nito, photpho dùng trong xử lý nước thải

2. **Mã số:** ĐTĐL.2011/G-10

**Thuộc:** Đề tài độc lập

**Cơ quan chủ trì:** Trường Đại học Cần Thơ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Chủ nhiệm Đề tài:** PGS. TS. Cao Ngọc Điệp

**Thời gian thực hiện Đề tài (theo hợp đồng):** 30 tháng

- Bắt đầu: tháng 02/2001

- Kết thúc: tháng 06/2013 (nghiệm thu cơ sở ngày 30/6/2013)

**Kinh phí thực hiện:** 2.650 triệu đồng

3. **Thời gian nghiệm thu:** ngày 04/4/2014

4. **Địa điểm nghiệm thu:** Bộ Khoa học và Công nghệ, 113 Trần Duy Hưng

5. **Các thành phần tham dự:**

4.1. **Thành phần Hội đồng:** Theo Quyết định số 4028/QĐ-BKHCN ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

4.2. **Các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu có mặt:** 08/09

4.3 **Các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu vắng mặt và lý do:** TS. Trần Ngọc Nguyên (đi công tác)

4.4. **Đại biểu tham dự**

- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà, Phó Vụ trưởng Vụ Quản lý KHXH&TN
- Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Bộ Giáo dục và Đào tạo

## I. NỘI DUNG PHIÊN HỌP:

Sau khi đại diện cơ quan nghiệm thu công bố Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp, Chủ tịch Hội đồng đã thông qua chương trình làm việc và điều khiển phiên họp thực hiện các nội dung sau:

### 1. Phần trình bày của Chủ nhiệm Đề tài:

Chủ nhiệm Đề tài báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của Đề tài.

### 2. Phần nhận xét của các uỷ viên phản biện (có văn bản kèm theo):

### 3. Phần nhận xét của các uỷ viên khác trong hội đồng (có văn bản kèm theo):

### 4. Phần phát biểu, đặt câu hỏi của các thành viên hội đồng và đại biểu tham dự (nếu có).

### 5. Phần trả lời của chủ nhiệm Đề tài và các thành viên tham gia thực hiện Đề tài (nếu có)

### 6. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá:

- Căn cứ hồ sơ đánh giá cơ sở và các kết quả đã đạt được của Đề tài, căn cứ Quy định đánh giá nghiệm thu, đối chiếu với Hợp đồng của Đề tài, Hội đồng thảo luận, trao đổi, nhận xét đánh giá về từng nội dung đã được quy định tại Điều 19 của Thông tư quy định đánh giá nghiệm thu Đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước.

- Hội đồng bỏ phiếu và kiểm phiếu đánh giá:

Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban: PGS.TS. Trần Thị Thanh

- Hai uỷ viên: TS. Lương Hữu Thuận

TS. Trần Thị Việt Nga

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá kết quả Đề tài. Kết quả kiểm phiếu đánh giá kết quả Đề tài được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu kèm theo.

## II. PHÂN KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG:

Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại Đề tài ở mức sau (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

Đạt

• Xuất sắc:

☐

• Khá:

☒

• Trung bình:

☐

Không đạt

☐

## 1.1. Ý kiến của Hội đồng về kết quả thực hiện Đề tài:

1.1.1. Về mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính của Đề tài so với yêu cầu của hợp đồng đã ký kết:

- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Đề tài, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu Đề tài và bản kiến nghị của Đề tài đối với cơ quan, tổ chức dự kiến sử dụng kết quả nghiên cứu.

Đầy đủ số và đăng ký/phê duyệt.

- Các sản phẩm khoa học công bố (sách, bài báo khoa học).

Ba bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chuyên ngành

Chín bài đăng trên tạp chí trong nước

- Viết chi tiết số và đăng ký. Tuy nhiên nên lược bỏ bớt một số bài.

- Về đào tạo (tiến sĩ, thạc sĩ).

Viết và đăng ký. Trung lập.

- Về sản phẩm khác (nếu có).

Theo giấy phép ưu đãi (cơ giải thích)

1.1.2. Về cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

Các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng đã áp dụng kỹ lưỡng.

1.1.3. Về giá trị khoa học của Đề tài:

- Tính mới, sáng tạo của sản phẩm nghiên cứu:

Bước đầu nghiên cứu và sản phẩm đạt được ứng dụng rất cao trong đời sống, phát triển.

- Tính hệ thống, logic, đầy đủ, lập luận, phân tích rõ ràng của các báo cáo khoa học.

1.1.4. Về ý nghĩa thực tiễn của Đề tài:

Có tác dụng tốt tới sức khỏe, xã hội và môi trường.

1.1.5. Về kết quả vượt trội của Đề tài:

Không có.

1.2. Hội đồng kiến nghị:

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, ghi nhận kết quả đánh giá Đề tài.

- Kiến nghị khác (nếu có): (về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn...)

- Về hình thức báo cáo: Cần chỉnh sửa lại báo cáo tổng hợp, nhấn mạnh tính cấp thiết. Báo cáo tóm tắt cũng cần viết lại.

- Cần nêu các thiết nghĩ chuyên gia cho thấy nhất là chưa xác

- Cần tổng hợp kết quả các giá đã đạt được chuyên theo bảng

- Cần chỉnh sửa bỏ suy các quy trình xử lý nêu trên cũng đang chi cho chi phí và chi tiết: giờ thuê, mua tài, bảo trì, các thông số kỹ thuật.

- Viết lại kết luận theo các nội dung và kết quả đạt được

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Nhgar

Trần Thị Việt Nga

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Đặng Đình Kien

Đặng Đình Kien

**PHỤ LỤC KÈM THEO BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG**  
**NHỮNG Ý KIẾN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(ghi chép của thư ký khoa học của Hội đồng) (Biên bản nhận xét 2 lần  
Kèm theo)

PGS.TS. Ngô Đình Bình

- 1) Với số lượng mẫu thực hiện và phân lập được hơn 3000 loại VK. Lên sơ phân loại đến các chủng giống nhau. Cần phải đưa dần vào trong bảng phân loại đến các chủng giống nhau.
- 2) Vấn đề an toàn sinh học, liên quan đến các chủng VK có khả năng gây bệnh viêm phổi, thương hàn.
- 3) Thông nhất về thuật ngữ đông, rỗng, chủng (Isolate, strain) chưa xác trong báo cáo
- 4) Cần rõ về tính đặc trưng của 6 chủng phân lập.

TS. Nguyễn Lan Hương.

- 1) Tạo sơ đồ tài chế hướng đến VK di dưỡng để xử lý (N, P và K) ở khu vực học, trong điều kiện nuôi cấy (nếu các trại) có hàm lượng chất hữu cơ thấp. Việc bổ sung CTC liên có hợp lý và khả thi
  - 2) Nội dung và kết quả nghiên cứu cần thể hiện các đặc tính liên quan đến phân bố theo địa lý, địa phương.
  - 3) Quy trình xử lý nuôi cấy áp dụng tiến chuẩn xử lý nước
- CACVN 40/1011? @CNV 5945/1005)

TS. Lương Hữu Thảo

- 1) Tại sao không sử dụng nấm men (đặc biệt là *Lipomyces*) trong học tu sinh học?
- 2) Trong các di thể cấp độ 3 chủng *Pracillus* sp. tại sao lại không có sử dụng ở chủng *pseudomonas*.

TS. Đỗ Thụy Hằng

- 1) Kết quả đạt được chưa đủ để đánh giá về đặc tính di chuyển cho BS
- 2) Tại sao lại hướng tới vi khuẩn di chuyển để n/c áp dụng trong xử lý n
- 3) Quy định sản xuất chế phẩm công học chưa đầy đủ.

**Thư ký khoa học**

(Ký và ghi rõ họ tên)

GS.TS. Đặng Đức Kim

- 1) Bản chất, cơ chế kết tụ sinh học
- 2) Hệ sưu tập vật phòng thí nghiệm
- 3) Hệ sưu tập vật phòng thí nghiệm

*Nguyễn*

Trần Thị Việt Nga